

Phàm và Thiêng

NGUYỄN DUY HÌNH^(*)

Rhà tôn giáo học người Pháp Émile Durkheim là người đầu tiên đưa ra cặp phạm trù Profane / Sacré mà người Trung Quốc dịch thành "Thần thánh đích" / "Thế tục đích" ("Cái Thần Thánh" / "Cái Thế Tục"). Khái niệm Phàm / Thiêng của tôi có đôi điều không hoàn toàn ăn khớp với hai khái niệm của E. Durkheim mặc dầu dựa trên phát kiến đó của ông.

Trong tác phẩm nổi tiếng định ra trường phái Durkheim - *Các hình thức sơ đẳng của đời sống tôn giáo - Hệ thống totem ở Châu Úc* (Les formes élémentaires de la vie religieuse - Le système totémique en Australie) xuất bản năm 1912 và sau đó nhiều lần tái bản, ông đã điếm những lí luận tôn giáo học trước ông và đưa ra định nghĩa tôn giáo đến nay vẫn được nhiều người sử dụng như một định nghĩa kính điển. Trong bài viết này, tôi không đề cập đến định nghĩa đó, điều mà tôi đã từng phát biểu ý kiến không đồng tình cũng như không bàn về totem giáo⁽¹⁾. Tôi chỉ muốn bàn về: *Profane / Sacré*.

E. Durkheim viết:

"Tất cả các tín ngưỡng tôn giáo đã biết, đơn giản hay phức tạp, đều có một đặc điểm chung: chúng đều giả định một phân loại các sự vật, thực tế hay quan niệm, mà con người biểu hiện ra, thành

hai lớp, hai loại đối nghịch nhau, nói chung được chỉ định bằng hai thuật ngữ khác biệt nhau mà các từ Profane và Sacré diễn đạt khá tốt. Sự phân chia thế giới thành hai lĩnh vực gồm có một lĩnh vực tất cả những cái gì là Sacré, một lĩnh vực khác tất cả những cái gì là Profane; đó là nét đặc trưng của đời sống tôn giáo...."⁽²⁾

Tiếp theo, E. Durkheim diễn giải cái Sacré gồm có các tín ngưỡng, thần thoại, truyền thuyết... diễn đạt bản chất, quyền lực, đặc tính, lịch sử của các cái Sacré và mối quan hệ của các cái Sacré với các cái Profane. Nhưng cái Sacré không nên hiểu chỉ là các vị thần mà một hòn đá, một cái cây, một con suối, một hòn cuội, một khúc gỗ, một ngôi nhà, nghĩa là nói chung bất cứ cái gì cũng có thể là Sacré. Cái Sacré được coi là có giá trị, quyền năng cao hơn cái Profane.

Tôi chỉ đưa ra một nhận xét:

- Cái Sacré của E. Durkheim trùng khớp với cái Thiêng của tôi. Nhưng cũng không hoàn toàn đồng nhất. Bởi vì cái Sacré và Profane của E. Durkheim đều là hai phạm trù trong "các tín ngưỡng tôn

*. PGS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Nguyễn Duy Hình. *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1996, tr.331.

2. Émile Durkheim. *Les formes élémentaires de la vie religieuse. Le système totémique en Australie*. Éditions Presses universitaires de France, Paris 1962, p.50-51.

giáo đã biết", không phải là thuật ngữ, khái niệm độc lập với tôn giáo. Đó là nguyên ý của E. Durkheim. Các tôn giáo đã phân chia thế giới thành hai phần Sacré và Profane, chứ không phải thế giới tự phân chia thành hai phần đó.

Phạm trù Phạm / Thiêng của tôi sử dụng trong thời kì chưa có tín ngưỡng tôn giáo, hay nói cho khoa học hơn, khi tín ngưỡng tôn giáo chưa định hình.

Ngày nay, có những người chủ trương tính tôn giáo là nhân bản, nghĩa là con người sinh ra đã có tính tôn giáo, tức coi tính tôn giáo là một tính sinh vật học bản thể con người. Từ đó, họ chủ trương ai cũng có tính tôn giáo chẳng qua tôn giáo này hay tôn giáo nọ. Theo tôi, lịch sử nhân loại không ủng hộ quan điểm đó. Con người xuất hiện khoảng 3 triệu năm và đã trải qua thời đại Đá Cũ. Mà mãi đến hậu kỳ thời đại Đá Cũ (cách ngày nay khoảng 4 vạn năm) mới có dấu hiệu tín ngưỡng tôn giáo biểu hiện qua tục mai táng dùng thổ hoàng. Lấy tư liệu khảo cổ học nước ta minh chứng. Hiện tượng rắc thổ hoàng và chôn theo công cụ đã phát hiện trong một số di chỉ hậu kì Đá Cũ ở nước ta như di chỉ Con Moong, Mái đá Nước và Mái đá Điều (tỉnh Thanh Hoá)⁽³⁾. Di tích hang Con Moong có niên đại khoảng 13.000 năm cách ngày nay. Còn người vượn Thẩm Khuyên có niên đại khoảng 500.000-400.000 năm cách ngày nay. Cứ cho là như vậy thì từ người Thẩm Khuyên đến người Con Moong đã trải qua khoảng 300.000 năm. Thông thường tính một thế hệ 25 năm thì đó là 12.000 thế hệ! Con người có tôn giáo chỉ mới khoảng 13.000 năm tương đương 520 thế hệ. Vậy suốt trong thời gian sơ kỳ thời đại Đá Cũ rõ ràng con người không có tín ngưỡng tôn giáo. Hoặc giả người ta cho

rằng có lẽ các nhà khảo cổ học chưa phát hiện được chẳng. Nhưng rõ ràng, ngay ngày nay, một con người hoàn toàn có thể sống không có tín ngưỡng tôn giáo nhưng không thể sống không có không khí để hít thở, lương thực để dinh dưỡng... Bản thân người Việt Nam suốt trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ đều là những người vô thần mà vẫn sống, chiến đấu thành công, giải phóng dân tộc. Há chẳng phải là một bằng chứng thực tế về con người hoàn toàn có thể tồn tại không có tôn giáo ư? Và chủ nghĩa vô thần (athéisme) không phải do Các Mác sáng tác ra! Tính tôn giáo không phải là một thuộc tính sinh vật học (biologique) của con người.

Không phải con người là con người tôn giáo (homo religious). Con người tôn giáo chỉ xuất hiện trong thế giới tôn giáo. Đó là một khái niệm không phải một thực thể, không phải một tồn tại (Être). Người ta nói con người tôn giáo cũng giống như nói con người chức nghiệp, con người xã hội... Đó đều là những khái niệm xã hội học phân tích con người thành nhiều mặt khác nhau mang những đặc trưng của một phương diện tư tưởng, tinh thần, ý thức nào đó. Một con người có thể gồm có con người tôn giáo, con người xã hội, con người chức nghiệp... Trong khoa học nghiên cứu về Người (Homo) đã có các khái niệm homo erectus = Người đứng

3. Nguyễn Duy Hinh. *Văn minh Lạc Việt*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2004, tr.215-216.

Các niên đại tuyệt đối này thay đổi theo các nhà khoa học khác nhau và theo các cách định niên đại khác nhau. Nước ta phát hiện người vượn Thẩm Khuyên có niên đại cách ngày nay khoảng 500.000-400.000 năm. Còn niên đại C14 của Con Moong là 13.070 ±70 cách ngày nay. Xem: Hà Văn Tấn (chủ biên). *Khảo cổ học Việt Nam. Tập 1. Thời đại đá Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 1998, tr.90.

thằng; homo fabricus = Người chế tạo công cụ; homo sapiens = Người có trí tuệ; Homo sapiens sapiens = Người khôn ngoan có trí tuệ hơn homo sapiens, chỉ người đã phát triển dẫn đến người hiện đại. Đó cũng là những khái niệm về homo như homo religious, chỉ khác nhau về phương diện phân loại học khoa học. Tất nhiên, mỗi khái niệm đó tương ứng với một hình tượng nhất định của con người sinh học, nhưng homo erectus, homo sapiens không phải là những sinh vật khác với con người sinh học mà chính là những hình tượng con người sinh học trên con đường phát triển.

Như vậy, có con người không tôn giáo - con người Phàm.

Hòn đá, cái cây, hòn núi, dòng suối, mặt trời, mặt trăng, ngọn lửa... đều là Phàm. Không có con người vẫn có hòn đá đó, cái cây đó, mặt trời đó... Không có tôn giáo con người Phàm vẫn thấy những vật Phàm đó. Tự nhiên là tồn tại nói theo nghĩa rộng, khái quát.

Như vậy, có con người Phàm và có vật Phàm.

Cái Phàm có trước và độc lập với cái Thiêng.

Profane và Sacré là hai mặt tương khắc tương thành của thế giới lưỡng phân (le monde bipartial) mà E. Durkheim nói, là thế giới tôn giáo mà thôi.

Nhưng ngay cặp phạm trù Profane / Sacré của E. Durkheim cũng bị nhiều nhà tôn giáo học khác phê phán. Năm 1993, Henri Hatzfeld xuất bản cuốn *Các nguồn gốc của tôn giáo - Truyền thống, nghi thức, các giá trị* (Les Racines de la religion - Tradition, rituel, valeurs). Trong cuốn sách 268 trang này, ông đã dành 36 trang để viết chương I: *Le sacré*

nhằm bác bỏ khái niệm Sacré của E. Durkheim. Ông viết :

"Khi E. Durkheim đặt khởi điểm công trình nghiên cứu về tôn giáo của ông trên sự đối lập của Profane với Sacré, đó là một hiện tượng tín ngưỡng mà ông cho là phổ quát và bảo với chúng ta là như thế. Nhưng những quan niệm, và nhất là những quan niệm đó, có phải là cái mà tôn giáo tạo ra hay không? Chúng giải thích tôn giáo? Phải chăng trái lại chính tôn giáo giải thích chúng. Cho nên, chúng tôi muốn tìm một sự kiện độc lập với các tín ngưỡng mà có thể là cái tạo thành các tín ngưỡng, và chúng tôi có thể xuất phát từ đó như một cơ sở không thể chối cãi được"⁽⁴⁾.

Cái sự kiện độc lập mà H. Hatzfeld tìm ra đó là truyền thống, nghi thức và các giá trị như ông đã viết trong đầu đề quyển sách và dùng hơn 200 trang để chứng minh. Trong bài viết này, tôi cũng không quan tâm đến "cái sự kiện độc lập" đó, mà chỉ quan tâm sự phê phán của ông đối với cặp phạm trù Profane / Sacré của E. Durkheim.

H. Hatzfeld dẫn nhiều nhà tôn giáo học khác nhau phản đối cặp phạm trù đó của E. Durkheim và rồi ông cũng phản đối nốt những phạm trù của các tác giả ông dẫn. Trong các nhà nghiên cứu mà ông dẫn, tôi quan tâm đến hai người đã viết sách về phạm trù Sacré, nghĩa là chủ yếu chỉ để phản bác E. Durkheim và họ đã đưa ra những phạm trù khác để thay thế.

Người thứ nhất là Rudolf Otto. R. Otto dùng từ Numineux để chỉ cái Sacré mà H. Hatzfeld gọi là "Cái Sacré của ông Otto" (le sacré ottonien). Từ Numineux

4. Henri Hatzfeld. *Les Racines de la religion. Tradition, rituel, valeurs*. Éditions Seuil, Paris 1993, p.12.

xuất phát từ một từ Latinh: Numen có nghĩa là cái thần bí, thần tính⁽⁶⁾. Tất nhiên như thế là không độc lập với các tín ngưỡng cho nên bị H. Hatzfeld phê phán.

Người thứ hai là Mircea Eliade. "M. Eliade cho rằng cái Sacré và cái Profane không phải là hai khái niệm bổ sung cho nhau mà người ta tìm thấy trong tất cả các văn hoá, một sự đối lập do tất cả mọi người *ngĩ ra*. Cái Sacré và cái Profane có giá trị bản thể: Tồn Tại thực tế là Sacré và Profane... Cái Sacré biểu hiện trong thế giới Profane... Eliade đề cập đến cái tính Sacré vũ trụ thể hiện trong thế giới này bằng vô số hiérophanies tổ thành các tôn giáo... Các hiérophanies - biểu hiện của cái tính Sacré của Tồn Tại trong thế giới Profane - trong quá trình lịch sử có thể nhập vào bất kì đối tượng nào, lập tức các đối tượng đó trở thành Sacré: một hòn đá, một gốc cây, một hòn núi, v.v..."⁽⁶⁾.

Tất nhiên, H. Hatzfeld phản đối khái niệm hiérophanie vì nó là cái thần bí không thuộc về thế giới của chúng ta, nó tồn tại độc lập ngoài thế giới vạn vật, lúc nào đó nhập vào một đối tượng tự nhiên bất kì nào thì đối tượng đó lập tức biến thành Sacré. Như vậy, Sacré mang tính chất bản thể của Tồn Tại. Nghĩa là cái Sacré tồn tại độc lập với cái Profane, nhập vào cái Profane nào thì cái Profane đó thành cái Sacré. Tồn Tại mang tính lưỡng phân bản thể chứ không phải chỉ trong thế giới tôn giáo như E. Durkheim chủ trương.

Như vậy, Sacré / Profane hay Numineux hay Hiérophanie đều không được H. Hatzfeld chấp nhận là cái độc lập với các tín ngưỡng mà là cái trong thế giới tôn giáo.

Tôi hoàn toàn đồng tình với ông. Nhưng tôi không đồng tình với ông khi

ông cho cái độc lập với các tín ngưỡng là truyền thống, nghi thức và các giá trị. Theo tôi, những cái đó cũng thuộc tín ngưỡng rồi! Có một thời gian rất dài con người không có những cái đó và chính trong thời gian rất dài đó con người sáng tạo ra những cái đó (truyền thống, nghi thức và giá trị).

E. Durkheim đã nhận thấy hiện nay cách diễn đạt tín ngưỡng tôn giáo nguyên thủy là dựa vào hệ quy chiếu tôn giáo cận hiện đại. Ông vạch ra rằng chủ nghĩa quyết định luận (déterminisme) của khoa học vật lí và khoa học tự nhiên chỉ mới được đưa vào khoa học xã hội một thế kỉ (thế kỉ XIX.NDH) mà thôi. Khái niệm siêu nhiên (surnaturel) cũng mới ra đời hôm qua. Người nguyên thủy không có khái niệm "thần kỳ" (miracle) mà ngày nay chúng ta nói. "Đối với họ, đó là những đối tượng của sự kinh ngạc và thần phục (θαύματα, mirabilia, miracula), nhưng họ không hề thấy đó là những cái gì thoát ra từ một thế giới thần bí mà lí tính không thể thâm nhập được"⁽⁷⁾. Chính khoa học chứ không phải tôn giáo bảo cho con người rằng sự vật phức tạp và khó hiểu.

Nếu như từ miracula trong tiếng Latinh có nghĩa như vậy thì từ "tai dị" trong tiếng Trung Quốc cũng có nghĩa tương tự.

Con người nguyên thủy sống giữa tự nhiên. Tự nhiên diệu kì và dữ dằn. Diệu kì dẫn đến Kính. Dữ dằn dẫn đến Sợ.

Con người sống nhờ khai thác tự nhiên, tức khai thác cái diệu kì của tự

5. - H. Hatzfeld. Sđd., tr.27-29.

- Trương Chí Cương. *Tôn giáo học thị thập ma?* Nxb Đại học Bắc Kinh 2002, tr.193.

6. Sđd., tr.30.

7. E. Durkheim. Sđd., tr.36-37.

nhiên, diệu kì vì cung cấp nguồn sống cho con người. Con người dần dần nhận thức được tự nhiên như một vận động bình thường. Trải qua hàng triệu năm khai thác tự nhiên - kinh tế khai thác tức hái lượm săn bắt - con người dần dần phát triển tri thức (trở thành sapiens) nhận thức được tự nhiên quanh mình hữu quan cuộc sống của mình. Họ biết các hiện tượng lặp đi lặp lại nào đó như một loài cây nào đó kết quả, một loài chim nào đó bay về, một loài thú nào đó sinh đẻ, v.v... để chiếm đoạt làm nguồn sống. Quả một cây ăn hết rồi thì một thời gian lại ra quả khác. Thật diệu kỳ! Diệu kì mà bình thường vì luôn luôn lặp lại như vậy một cách tự nhiên.

Phát hiện ra những nguồn sống bình thường khiến cho họ kính trọng cái Tự Nhiên - động thực vật - nên họ tôn sùng, hành vi tôn giáo dưới dạng truyền thống và nghi thức từ đơn giản đến phức tạp như một bài giáo huấn truyền cho đời sau: thờ Lửa, thờ Cây, thờ Mặt Trời, thờ Mưa... Đó là Kính.

Nhưng một khi có hiện tượng bất thường khiến cho cây đó không kết quả, chim đó không đến, thú đó chết... nghĩa là nguy hại đến nguồn sống thì con người cảm nhận thấy sự bất thường dữ dằn uy hiếp cuộc sống của họ. Đó là Sợ. Nhưng không phải sợ một cách thụ động tiêu cực, ngồi chờ chết. Con người không muốn chết. Họ tìm cách lí giải một cách nào đó, cho là có một cái gì đó đã gây ra, và quan trọng hơn cả là đưa ra phương pháp khắc phục. Không bao giờ chỉ có giải thích mà không có phương pháp khắc phục trong tôn giáo tín ngưỡng nguyên thủy. Phương pháp khắc phục là thờ cúng, hiến tế và cầu xin. Không phải con người thuần túy nô lệ cái Thiêng đó mà

tìm cách khống chế nó khiến làm lợi cho cuộc sống của con người. Ma thuật chính là hình thức cao nhất để đạt đến mục đích đó. Ma thuật khoa học và tích cực hơn tôn giáo. Ma thuật điều khiển cái Thiêng; tôn giáo cầu xin cái Thiêng⁽⁸⁾.

Cái bình thường cũng thiêng vì diệu kì; cái bất bình thường cũng thiêng vì dữ dằn. Một cái gì đó ẩn tàng trong tự nhiên tác động đến tồn tại của con người. Kính và Sợ là hai ứng xử cơ bản của con người đối với tự nhiên. Về bản thể, con người muốn sống, sống mãi mãi. Họ cho người chết ăn, chia công cụ sản xuất, đồ dùng sinh hoạt, cúng giỗ, đốt vàng mã, ướp xác... chỉ là vì họ không muốn chấp nhận cái chết. Nhưng các tôn giáo hiện đại nói chung đã nhấn mạnh cái chết - biểu hiện cao nhất của Sợ - khiến cho con người thấy mình là con Người tội lỗi hay con Người đau khổ. Các tôn giáo hiện tồn đã giải thích cho họ rằng con Người không chết mà chỉ thay đổi hình thái và địa điểm sống. Như thế là giải thoát được cái tu tưởng muốn sống sợ chết của con Người.

Ngày nay, người ta gọi cái Thiêng đó là cái siêu nhiên tức vượt quá cái tự nhiên. Siêu nhiên, thần bí đều là ngôn từ hiện đại. Người nguyên thủy không cho đó là thần bí, là không thể hiểu được. Ví dụ, họ đã "hiểu" cái cây, con thú bị sét đánh chết là do Thân Sét cầm rìu đá từ trên trời đánh xuống. Một ví dụ khác, khi có động đất vua quan nhà Chu không hiểu sự kiện bất bình thường đó thì Bá Dương Phụ đã giải thích dương khí bị đè nén, âm khí bị dồn ép nên xảy ra động đất, dẫn đến tắc sông ngòi, sông ngòi bị tắc

8. William A. Lessa, Evon Z. Vogt. *Reader in comparative religion - An Anthropological Approach*. Editions Arper & Row. New York, Evanston, San Francisco, London. p. 413.

nghe thì quốc gia bị diệt vong⁽⁹⁾. Những giải thích về nhật thực, nguyệt thực, sao băng... nhiều vô kể trong lịch sử văn hoá Đông - Tây. Những cách giải thích tai dị như vậy có thể đọc trong *Sử Kí* của Tư Mã Thiên hay trong *Thái Bình Kinh* của Đạo giáo. Trong tín ngưỡng thành hoàng nước ta cũng không hiếm. Ví dụ như việc một ông ăn mày chết ở đầu làng, cả làng động, người ốm, trâu bò chết, thần bạo mộng cho một chức sắc, bèn thờ làm thành hoàng và làng bình yên.

Cái Thiêng chỉ được cảm thụ khi có tác động đối với đời sống con người. Và một số đối tượng Phàm được Thiêng hoá. Cái Thiêng do con người sáng tạo ra và đưa vào đối tượng vốn Phàm đó để Thiêng hoá nó. Đúng là cái Thiêng nhập vào cái Phàm bất kì nào thì cái Phàm đó trở thành Thiêng như M. Eliade đã diễn đạt, nhưng theo tôi cái Thiêng đó không mang tính bản thể luận mà là cái Thiêng mang tính tư duy của con người. Tư duy duy cảm đó ngày nay không còn đúng nữa, nhưng đã từng là một nỗ lực tìm hiểu và khắc phục tự nhiên phục vụ cuộc sống. Ngay những tư duy khoa học hiện đại cũng theo thời gian mà trở thành lạc hậu chẳng kém gì tư duy tôn giáo nguyên thủy. Ví dụ thuyết hình thành vũ trụ của Laplace vẫn còn được giảng dạy trong trường học trước năm 1945 mà chính tôi đã học, thì nay đã trở thành "mê tín" trước thuyết Big Bang. Những ví dụ như vậy không hiếm trong khoa học tự nhiên. Đó là những bước đi tất yếu trên con đường khám phá tự nhiên vô tận.

Đắm mình trong thế giới Kitô giáo đến khi tiếp xúc với văn hoá Ấn Độ qua *Veda* thì người Anh mới thấy một thế giới tôn giáo khác. Năm 1856, Max Muller đề xuất Naturalism - tôn giáo tự nhiên để

chỉ việc thờ Lửa, Mặt Trời, Mặt Trăng, Rượu... trong *Veda*. Rồi năm 1873, E.B. Tylor phát triển thành tín ngưỡng Vạn vật hữu linh (Animism). Không tiếp xúc với tôn giáo Ấn Độ thì M. Muller không thể phát biểu câu nói đặt nền cho tôn giáo học (Science of religion): "Chỉ biết một, không biết gì cả" (He who knows one, knows none) và thuật ngữ Religion sẽ vĩnh viễn chỉ dùng để chỉ Kitô giáo⁽¹⁰⁾.

Đặc điểm chung của tôn giáo tự nhiên là việc sùng bái những hiện tượng tự nhiên hữu quan cuộc sống con người. Đó là bước thứ nhất con người cảm thụ và lí giải tự nhiên. Đó là cảm thụ trực tiếp của con người với tự nhiên hình thành quan hệ Phàm-Thiêng mà tôi muốn diễn đạt.

Bước thứ nhất của quan hệ Phàm-Thiêng này tôi gọi là Mô hình I (MI) của quan hệ Phàm-Thiêng. Đó là mô hình cơ bản và nguyên sơ. Cơ bản vì quan hệ Phàm-Thiêng bao giờ cũng là quan hệ xuất phát từ cá nhân. Tôn giáo hiện đại đã phát triển đến bước bắt đầu xuất hiện cái gọi là "tôn giáo cá nhân" tự cho Chúa, Phật là Chúa, Phật của Tôi và theo Tôi, không nhất thiết phải Chúa, Phật theo giáo hội. Nhưng đó vẫn chỉ là sự phát triển của MI: tôn giáo là cảm thụ cá nhân trực tiếp, không qua trung gian, bác bỏ trung gian. Nguyên sơ vì cảm thụ tôn giáo này sớm nhất, đơn giản nhất, gắn liền với đời sống nguyên thủy, tư duy sơ khai.

Nhưng với sự phát triển tư duy và hoạt động của cộng đồng người thì xuất

9. *Quốc Ngữ. Chủ Ngữ Thượng*. Dẫn theo *Khí* do Trương Lập Văn (chủ biên). Bản dịch Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội 2000, tr.58-59.

10. - *Reader in comparative religion*. Sđd., tr. 8.

- *Tôn giáo học thị thập ma?* Sđd., tr.2.

- *Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam*. Sđd., tr.326.

hiện các tôn giáo như Kitô giáo, Islam giáo, Phật giáo, v.v...

Năm 1882, F. Engels viết *Bruno Bauer và Cơ Đốc giáo sơ kì* nêu ra khái niệm tôn giáo nhân tạo (bản tiếng Pháp dùng từ *religion artificielle*⁽¹¹⁾, bản Trung văn dùng từ *Nhân vi đích tôn giáo*). Rõ ràng thuật ngữ này không hoàn mĩ. F. Engels đối lập religions naturelles với religions artificielles. Cái trước chỉ tôn giáo nguyên thủy; cái sau chỉ tôn giáo đương đại như Kitô giáo. Nếu nói cái sau là nhân tạo tức do con người sáng tạo ra thì cái trước cũng do con người sáng tạo ra! Có lẽ trong nguyên văn tiếng Đức nội hàm khác chăng?

Nhưng dù sao, cơ bản F. Engels cũng đã nhấn mạnh vai trò tăng lữ trong loại tôn giáo thứ hai đó. Tăng lữ là thành tố mới, chỉ xuất hiện trong loại tôn giáo thứ hai nhưng có một quá trình hình thành dài lâu. Theo tôi, nói chung trong các tôn giáo lớn hiện tồn thì tăng lữ là đặc điểm nổi bật phân biệt với tôn giáo nguyên thủy. Trong tôn giáo nguyên thủy quan hệ Phàm - Thiêng diễn ra trực tiếp không qua nhân vật trung gian. Mọi người đều tự mình cảm thụ cái Thiêng không cần ai giảng dạy. Như vậy, tăng lữ xuất hiện như thế nào? Tăng lữ chỉ người chuyên coi việc tế lễ. Trong các thư tịch cổ Trung Quốc, Ấn Độ, Lương Hà, Ả-rập đều có ghi chép về người phụ trách công việc tế lễ dưới nhiều tên gọi khác nhau. Đó là người am hiểu nghi thức tế lễ. Một khi đã tế lễ dù đơn giản nhất cũng có nghi thức. Nghi thức trong *Veda*, trong *Kinh Lễ* là trình tự tiến hành một buổi lễ, chỉ rõ cách chuẩn bị, trình tự dâng lễ phẩm, khẩn vái, kết thúc lễ. Trong *Veda* và *Kinh Lễ* thì trình tự đó đã rất phức tạp, nhưng có thể ban đầu đơn giản giống như một lễ

cúng tổ tiên của gia đình, một buổi lễ của các thầy mo trong các dân tộc "lạc hậu" ở Châu Phi... chăng? Đẳng cấp Balamôn trong Balamôn giáo chính là hình ảnh rõ nét của tăng lữ. Nghi thức đã thành một tri thức chỉ một số người hiểu biết và vì vậy độc quyền nắm giữ. Trong Balamôn giáo gọi nghi thức đó là Dharma. Dharma là trình tự tiến hành dâng lễ phẩm mà bản thân lễ phẩm cũng gọi là Dharma và từ đó Dharma mang nghĩa "tôn giáo". Tế lễ diễn tiến từ không có biểu tượng sang có biểu tượng, từ không có nghi thức sang có nghi thức và từ không có người chuyên nghiệp sang có người chuyên nghiệp. Đó là một quá trình lịch sử lâu dài diễn ra trong quá trình MI phát triển sang MII sẽ nói dưới đây. Các ông thầy cúng (thuật ngữ Trung văn "tế sư") phát triển thành các ông thầy tu (tu sĩ, sư, tăng lữ, prêtre). H.Hatzfeld nhấn mạnh nghi thức là đúng. Nhưng lại coi nghi thức thuộc cái độc lập với tôn giáo là sai. Có tín ngưỡng rồi mới có tế lễ; có tế lễ rồi mới có nghi thức. Không thể có nghi thức trước tôn giáo tín ngưỡng. Trong nghi thức thì lời khẩn rất quan trọng vì đó là lời thỉnh cầu của con người phàm đối với cái Thiêng. Phải chăng chính những lời này dẫn đến những giáo lí? Phải chăng thầy tu diễn biến thành giáo chủ?

Tôn giáo hiện nay do một giáo chủ truyền giáo. Cái Thiêng thông qua giáo chủ mà truyền đạt đến người Phàm. Nếu không có giáo chủ thì Người phàm không biết đến cái Thiêng đó. Thích Ca, Giêsu, Mahomet chính là những giáo chủ được khải thị, giảng dạy truyền bá cái được khải thị tức cái Thiêng, tạo dựng lí luận,

11. Karl Marx, Friedrich Engels. *Sur la religion*. G.Badia, P. Bange, E. Bottigelli biên tuyển và dịch. Éditions sociales. Paris 1960, p.192.

tổ chức... Tôi gọi giáo chủ là nhân vật trung gian, tức Médium, mà có lẽ chữ thầy (sư, guru) diễn đạt được nội hàm đó. Không có giáo chủ không có loại tôn giáo thứ hai mà F. Engels nói.

Như vậy, hình thức quan hệ Thiêng-Médium- Phàm là một mô hình quan hệ Phàm - Thiêng thứ hai. Tôi gọi đó là Mô hình II (MII).

Ba trường hợp Médium kể trên là hình thức cao nhất của Médium.

Hình thức thấp hơn là các thầy bói, thầy cúng, thầy phù thủy các loại. Các ông thầy này cũng là nhân vật trung gian mà cái Thiêng - bây giờ đã là Thần- phán bảo nhân gian qua họ.

Các Médium này đều được thiên khai (révélation) tức Thần truyền dạy cho họ hoặc bằng hiện tượng thiêng như ánh sáng đặc biệt hay lời nói vô hình hay linh cảm, lên đồng... hoàn toàn thần bí không giải thích được.

Vị Médium hữu danh vĩ đại nhất là Thích Ca Mâu Ni (Muni = nhà hiền triết, người đại tri thức) xuất hiện từ thế kỷ VI trước Công nguyên. Còn đẳng cấp Balamôn (tập đoàn người độc quyền tế lễ) thì xuất hiện ít ra từ thế kỉ VIII trước Công nguyên. Trước đó đã có nhiều thầy cúng khác. Còn trong Kitô giáo thì các nhà tiên tri chính là một dạng thầy cúng trước Đại Giáo chủ Giêsu.

Vấn đề hình thành tầng lớp rất lý thú nhưng tôi chưa nghiên cứu thật sự sâu sắc, trên đây chỉ là một số suy nghĩ sơ bộ mang

tính giả thuyết nhiều hơn định luận.

Hiện nay, hiện tượng đa tôn giáo đã định hình rõ ràng trong các quốc gia, không còn thời đại một tôn giáo thống trị nữa. Nhưng điều đáng lưu ý không phải là sự tồn tại song hành của nhiều tôn giáo trong một dân tộc, một quốc gia mà là hiện tượng hỗn dung tôn giáo. Một hiện tượng tôn giáo đa tổ gồm có một số thành tố Phật giáo, Đạo giáo được biết trong đời sống tôn giáo các dân tộc thiểu số nước ta như trong người Dao, người Tày... mà gần đây được một số luận văn sau đại học nghiên cứu. Một số hiện tượng gọi là "tôn giáo mới", "tôn giáo lạ" đang hình thành cũng là hiện tượng hỗn dung đa tôn giáo mà hoặc Kitô giáo, hoặc Phật giáo làm nền... Đặc điểm chung của hiện tượng hỗn dung tôn giáo đó là tính chất hỗn dung đa tổ của Giáo chủ - Médium. Các hình thái cụ thể của từng hiện tượng riêng rẽ thì rất phức tạp. *Tôi gọi hình thức quan hệ Phàm - Médium đa tổ - Thiêng này là mô hình Phàm - Thiêng thứ ba - M III.*

Tôn giáo là một hệ tư tưởng có lịch sử lâu đời cho nên trải qua những hình thức, những giai đoạn phát triển từ thấp đến cao. Phân loại, phân cấp các hiện tượng tôn giáo giúp nắm bắt được thực chất, nội hàm của từng hiện tượng tôn giáo. Tôn giáo học nước ta còn non trẻ và tư liệu rất thiếu thốn cho nên đáng lẽ tôi chưa nên "vội vã" viết những điều trên đây. Nhưng tôi không còn thời gian nữa, đành viết ra để mọi người tham khảo, chỉ giáo./.